

Đăk Nông, ngày 08 tháng 01 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ  
lĩnh vực Quốc tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 107/TTr-STP ngày 24 tháng 12 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ lĩnh vực Quốc tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật nội dung vào Cơ sở dữ liệu Cổng Dịch vụ công quốc gia và công khai, niêm yết TTHC tại Trung tâm Hành chính công; Sở Tư pháp công khai TTHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.m

*Nơi nhận:*

- Nhu Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỎ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẤI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẦM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND, ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỎ SUNG**

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	<b>Thủ tục</b> cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (Số hồ sơ: TTHC: 2.001895)	<b>1. Thành phần hồ sơ:</b> - Tờ khai để nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNNNGVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Hành chính công (không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ); + Giấy tờ về nhân thân của người đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam như tra, đổi chiểu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ do người yêu cầu xuất trình hoặc dân, Giấy tờ cư trú, Thẻ tạm trú, Giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam.	<b>1. Trình tự thực hiện:</b> <b>Bước 1:</b> Người có yêu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Đăk Nông - Miễn phí đối với: - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP từ Lào được ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp gốc thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. <b>Bước 2:</b> Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm xin phép cư trú theo định nghĩa sau đây: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Giấy tờ cư trú, Thẻ tạm trú, Giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam.	- 100.000 đồng/hồ sơ; Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP



TT	Tên THHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Năm cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội tiếp nhận từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối láng giềng - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, có chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>lành của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì Trung tâm Hành chính công giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sở gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sở gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.</p>	<p>tại các nước quốc tịch.</p> <p>có đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xác nhận của UBND cấp xã.</p> <p><b>Bước 3:</b> Ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức được giao nhiệm vụ giải quyết các việc về quốc tịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thông tin trong hồ sơ với giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và đối chiếu với cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan đến quốc tịch.</p> <p>- Nếu thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; Giám đốc Sở Tư pháp ký và cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo mẫu quy định cho người yêu cầu.</p> <p>- Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ nhập quốc tịch Việt Nam (Số hồ sơ TTHC: 2.0002039)	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam.</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.</li> <li>- Bản Khai lý lịch.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung</li> </ul> <p><b>Bước 1:</b> Người nước ngoài và người không quốc tịch cư trú trên địa bàn tỉnh Đăk Nông xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công (không được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ.</p> <p><b>Bước 3:</b> Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thi hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện cho theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung vê tớ cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.</p> <p>- Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam sau khi đã được hướng dẫn theo quy định mà không được tặng thưởng dụng, quàn lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp thực hiện.</p> <p><b>Bước 3:</b> Ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ, người thụ lý hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và ghi vào Sổ</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày</p>	<p>- 3.000.000 đồng;</p> <p>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc</li> </ul> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ</p> <p>là Tu pháp ban hành, người được hưởng dẫn sử dụng, quàn lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, ché độ thu, nộp, quản lý và sử dụng</p>	<p>- Luật Quốc tịch năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP</p> <p>03/02/2020</p>	



TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam).</p> <p>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thi phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ</p>	<p>quốc tịch.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thời quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>+ Nếu xét thấy hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho UBND tỉnh, đồng gửi cho Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện dù điều kiện.</p> <p>+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có văn bản hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện dù điều kiện.</p> <p>- Đối với trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không có đủ giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp đặc biệt theo quy định, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho UBND tỉnh để yêu cầu người đó tiến hành thôi quốc tịch nước ngoài.</p> <p>+ Trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày Bộ Tư pháp có văn bản thông báo mà người xin nhập quốc tịch Việt Nam không bổ sung được hồ sơ, không hoàn thiện dù điều kiện hoặc không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thời</p>		

TT	Tên TTTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>sau để chứng minh kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>+ Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tăng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành;</li> <li>+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân</li> </ul>	<p>quốc tịch nước ngoài, thì được coi là người đó không tiếp tục xin nhập quốc tịch Việt Nam và Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ. Thời hạn 9 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài thuộc các trường hợp đặc biệt được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>Khi xem xét hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thuộc trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 9 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP, nếu thấy hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến an ninh chính trị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của Bộ, ngành liên quan trước</p>		

TT	Tên THC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam trên đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh.</p> <p>+ Điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có</p>	<p>khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và được Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kèm bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho UBND tỉnh nơi thụ lý hồ sơ, để tổ chức lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam. Sau khi nhận được bản sao Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam gửi kèm thông báo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo nghi thức trang trọng, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.</p> <p>- Trường hợp người được nhập quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc</p>		



TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quốc tịch bị ảnh hưởng;</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung; Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phong hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch. Nội dung ghi chú gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định; cán bộ thực hiện ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm ghi chú.</p> <p>- Trong trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông báo ghi chú nhưng không còn lưu giữ được sổ hộ tịch trước đây thì thông báo lại cho Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 115 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận đã đổi chiếu. 2. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.			
3	Thủ tục trả lại tịch tịch Nam trong nước (Số TTTHC: 2.002038)	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin trả lại quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bàn sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trả lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trả lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh người xin trả lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1:</b> Người xin trả lại quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính về Trung tâm Hành chính công (Không được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Người nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ.</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thi hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, nghiệp vụ tổ quốc cần bố sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.</p> <p>- Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam sau khi đã được hướng dẫn theo quy định mà không được tặng thưởng bằng văn bản, trong đó ghi rõ Huân chương, Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao khác của Nhà nước</p> <p><b>Bước 3:</b> Nghi định số 16/2020/NĐ-CP</p> <p>trường hợp ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>+ Người có công đặc đóng góp sự nghiệp xây dựng và bảo tồn quốc gia</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,</p>	<p>- 2.500.000 đồng.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp ngày 03/02/2020</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP</p> <p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP</p> <p>- Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>

TT	Tên THC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam:</li> </ul> <p>Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sờ Tu pháp gửi văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của trang hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sờ Tu pháp gửi văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quê hương Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ</li> </ul> <p>Bước 3: Ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ, người thụ lý hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và ghi vào Sổ thu lý.</p>	<p>hồ sơ qua hệ thống bưu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển hồ sơ cho Sờ Tu pháp thực hiện.</li> </ul> <p>Nam ché độ thu, nộp, chủ quản lý và sử dụng phi khai thác, sử dụng thông tin mạng trong cơ sở dữ liệu thời hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc nước Việt Nam, lệ phí hòa quốc tịch.</p>	<p>Nam chủ hòa, phi phụ dụng thông tin mạng trong cơ sở dữ liệu thời hộ tịch, phi xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phi xác nhận là người gốc nước Việt Nam, lệ phi hòa quốc tịch.</p>	

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà điều kiện được trả lại quốc tịch Việt Nam thì gửi cho Nhà nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trả lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trả lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p>	<p>thấy người xin trả lại quốc tịch Việt Nam có đủ tục xin thôi quốc tịch nước bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trả lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài (người này phải đáp ứng đủ điều kiện để được coi là trường hợp đặc biệt).</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trả lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thửa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước - Nếu xét thấy hồ sơ xin trả lại quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin trả lại quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện trả lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho UBND tỉnh, đồng gửi cho Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin trả lại quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có văn bản hướng dẫn người xin trả lại quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện.</p> <p>- Trường hợp người xin trả lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, thiện đủ điều kiện.</p> <p>Đối với trường hợp xin trả lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không có đủ giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp đặc biệt theo quy định, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho UBND tỉnh để yêu cầu người</p>	<p>cấp xã nơi cư trú.</p>	



TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>đó tiến hành thời gian giải quyết nước ngoài.</p> <p>Trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ, không hoàn thiện dù điều kiện hoặc không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thời gian giải quyết nước ngoài, thì được coi là người đó không tiếp tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam và Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ. Thời hạn 9 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.</p> <p>Khi xem xét hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thuộc trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 14 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP, nếu thấy hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến an ninh chính trị, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của bộ, ngành liên quan trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thời gian trở lại quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài thuộc trường hợp đặc biệt được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp có trách</p>	

TT	Tên THHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người xin trả lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</li> <li>+ Đú điếu kiện trả lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam,</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trả lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài có dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.</li> <li>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phuromg hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> <li>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trả lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</li> <li>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trả lại quốc tịch Việt Nam phải</li> </ul>	<p>nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trả lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trả lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thửa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Sau khi có Quyết định cho trả lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho trả lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi thông báo kèm bản sao Quyết định cho người được trả lại quốc tịch Việt Nam, đồng thời gửi cho UBND tỉnh nơi thụ lý hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Trường hợp người được trả lại quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh việc thôi quốc tịch Việt Nam hoặc tước quốc tịch Việt Nam, thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho trả lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp hoặc Cơ quan đại diện, nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch Nội dung ghi chú gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung</p>		



TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sở gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p>	<p>Quyết định; căn bộ thực hiện ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm ghi chú. Trường hợp việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại Cơ quan đại diện mà sở hộ tịch đã chuyển lưu tại Bộ Ngoại giao thì Bộ Ngoại giao thực hiện ghi chú.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định cho trả lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có trách nhiệm đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được trả lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 85 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		
4	Thủ tục quốc tịch Việt Nam trong nước	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật Quốc tịch năm 2008;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1:</b> Người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Đăk Nông nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Hành chính công (không được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ).</p> <p><b>Bước 2:</b> Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ.</p>	2.500.000 đồng.	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số</p>

TT	Tên THHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	2.002036)	<p>thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</p> <p>- Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).</p> <p>- Giấy xác nhận nợ thuê do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.</p> <p>- Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bồi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ</p>	<p>- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản quy định về việc cấp giấy tờ, nội dung cần bô sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.</p> <p>nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên.</p> <p>Nam sau khi đã được hướng dẫn theo quy định mà không được trả kết quả; nếu hồ sơ不完, không đúng quy định mức thu, chê độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí</p>	<p>điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chê độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí</p>	

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thõi việc, miễn nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu viên xác nhận việc thõi quốc tịch Việt giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày Nam của người đó không phuong hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thõi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thõi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thõi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thõi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thõi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>- Giấy tờ có trong hồ sơ xin thõi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa</p>	<p>phuong trong ba sổ liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày</p> <p>+ Đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thõi quốc tịch Việt Nam. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp đăng tải thông tin về người xin thõi quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nếu phát hiện thấy người xin thõi quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thõi hoặc không được thõi quốc tịch Việt Nam theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 17 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP thì phải kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng tải thông tin.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thõi quốc tịch Việt Nam, lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin thõi quốc tịch theo mẫu quy định.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có</p>		quốc tịch.

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sở gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sở gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 03 bộ.</p>	<p>trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch UBND</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thưa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>- Sau khi có Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi thông báo kèm bản sao Quyết định cho người được thôi quốc tịch Việt Nam, đồng thời gửi cho UBND tỉnh nơi thu lý hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày</p>		

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>nhận được Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch. Nội dung ghi chú gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định; cán bộ thực hiện ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm ghi chú. Trường hợp việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại Cơ quan đại diện mà sổ hộ tịch đã chuyển lưu tại Bộ Ngoại giao thì Bộ Ngoại giao thực hiện ghi chú.</p> <p>Trong trường hợp Sở Tư pháp nhận được thông báo ghi chú nhưng không còn lưu giữ được sổ hộ tịch trước đây thì thông báo lại cho Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người được thôi quốc tịch Việt Nam đang cư trú tại Việt Nam hoặc đã từng có thời gian cư trú tại Việt Nam thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú, thu hồi Hộ chiếu Việt Nam, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của người đó theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Người được thôi quốc tịch quốc tịch Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an để làm thủ tục xóa đăng ký thường trú, nộp lại Hộ chiếu Việt Nam, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân theo quy định của pháp luật có</li> </ul>		

TT	Tên TT/HC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp xác nhận quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1. Thành phần hồ sơ: Giấy - Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng; (Số hồ sơ + Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. 1.005136)	<p>2. Thời gian giải quyết: 75 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Người có yêu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Đăk Nông nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống buru đối với: - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP chính đến Trung tâm Hành chính công (không người di cư từ Lào được ngày 03/02/2020 được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ).</p> <p>Bước 2: Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm phép cư trú xin nhận quốc tịch Việt Nam theo quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>Bước 3: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thi hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ ký, tên của người tiếp nhận.</p> <p>Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trê</p>	<p>- 100.000 - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>của - Thông tư số 02/2020/TT-BTP dated 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Công hòa xã hội Tu pháp ban hành, chủ nghĩa hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu thành viên; số quốc tịch và bảo mẫu giấy tờ về Quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC dated 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p>	

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>- Chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp thực hiện.</p> <p><b>Bước 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, lẻ phí của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó;</li> <li>- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</li> <li>+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>+ Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch</li> </ul>	<p>Nam, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND xã.</p> <p>+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, trực tiếp tra cứu hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh; trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thời Quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; người đứng đầu cơ quan ký và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định cho người yêu cầu.</p>	<p>với Việt Nam, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lẻ phí quốc tịch.</p>	

TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>Viet Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do ché độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến Quốc tịch, công dân Việt Nam.</p> <p>- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p>	<p>Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.</p> <p>- Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp chủ động tra cứu hoặc + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu; trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; người đứng đầu cơ quan ký và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định cho người yêu cầu.</p>		



TT	Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.</p> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</li> </ul>		

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÁI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
-	1.004866	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài	Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.	Quốc tịch	Sở Tư pháp